

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHONG THỔ  
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 17 tháng 8 năm 2020  
V/v Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Hạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đèo Văn Vĩnh; Bà Trần Thị Mùi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lò Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Lệ Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 54/2020/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2020, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Lò Thị T sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Bản H, xã K, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

*Bị đơn:* Anh Đèo Văn X, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Bản H, xã K, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lò Thị T trình bày:*

Chị Lò Thị T và anh Đèo Văn X kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, ngày 11/11/2016. Sau khi kết hôn, chị T và anh X sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do sau khi kết hôn, anh X đã nảy sinh những thói hư, tật xấu, không giúp vợ lo kinh tế gia đình, không quan tâm, chăm sóc vợ, con, không chăm lo cho gia đình, chị T đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh X không thay đổi. Từ khoảng tháng 9 năm 2019 đến nay, chị T và anh X đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Hiện nay, chị T không còn tình

cảm với anh X nữa nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh X.

Về con chung: Chị T và anh X có 01 con chung là cháu Đèo Khôi N, sinh ngày 28/8/2017. Từ khi chị T và anh X sống ly thân, cháu N ở với chị T, được chị T yêu thương, quan tâm, nuôi dưỡng, chăm sóc. Hiện nay, chị T có công việc, thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu và có nguyện vọng là sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh X không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Lò Thị T xin giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, không có thay đổi, bổ sung hay rút yêu cầu.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tại phiên hòa giải, bị đơn vắng mặt nên vụ án không hòa giải được.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của đương sự tại nơi ở của bị đơn là anh Đèo Văn X, anh X trình bày: Việc anh X và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng như lời khai của nguyên đơn. Thời gian gần đây, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Anh X không muốn ly hôn nhưng nếu chị T vẫn kiên quyết ly hôn thì anh X cũng nhất trí. Về con chung, anh X nhất trí để cho chị T là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh X không có yêu cầu gì khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 54, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lò Thị T, xử: Về quan hệ hôn nhân: chị Lò Thị T được ly hôn với anh Đào Văn X. Về con chung: Giao cháu Đào Khôi N cho chị Lò Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh X được quyền thăm nom con chung, chị T không được cản trở anh X thực hiện quyền này. Về cấp dưỡng, về tài sản chung, nợ chung, các đương sự không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lò Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị T và anh Đào Văn X. Chị T và anh X đều cư trú tại bản Huổi Loong, xã Khổng Lào, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên vụ án được xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Đào Văn X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T, anh X chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh X không giúp vợ lo kinh tế gia đình, không quan tâm, chăm sóc vợ con, vun vén hạnh phúc gia đình. Chị T đã khuyên bảo anh X nhiều lần nhưng anh X không thay đổi. Hiện nay, chị T không còn tình cảm với anh X nữa và muốn được ly hôn với anh X. Anh X mong muốn vợ chồng được đoàn tụ nhưng nếu chị T kiên quyết muốn ly hôn thì anh X cũng nhất trí. Tòa án đã thông báo phiên hòa giải và triệu tập các đương sự để tiến hành hòa giải nhưng tại phiên hòa giải, anh X vắng mặt không có lý do. Qua lời khai của anh X cho thấy anh X vẫn còn tình cảm với chị T. Tuy nhiên, anh X lại không có những hành động biểu hiện sự quyết tâm muốn giữ gìn, vun vén hạnh phúc gia đình. Giữa chị T và anh X không còn có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, yêu thương nhau, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, giải quyết cho chị T được ly hôn với anh X theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị T và anh X có 01 con chung là cháu Đèo Khôi N, sinh ngày 28/8/2017. Chị T có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn. Anh X cũng nhất trí để cho chị T nuôi con. Từ khi chị T và anh X sống ly thân đến nay, cháu N ở cùng với chị T, được chị T quan tâm, chăm sóc. Chị T đang có việc làm và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N. Vì vậy, để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu N cho chị T là người trực tiếp nuôi cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh X có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị T là người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh X trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản: Chị T và anh X không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 238, 266, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

#### **Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lò Thị T được ly hôn với anh Đèo Văn X.

- **Về con chung:** Giao cháu Đèo Khôi N, sinh ngày 28/8/2017 cho chị Lò Thị T là người trực tiếp nuôi cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh X có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị T là người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị T cùng

các thành viên gia đình không được cản trở anh X trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản:** Nguyên đơn và bị đơn không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Lò Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/0004525, ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**3. Quyền kháng cáo:** Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã Mường So;
- Đương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Hạnh**